

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 370/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2023

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1977/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1976 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà D đường T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Đặng Ngọc L, sinh năm: 1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà D đường T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Trước khi cưới, bà và ông Đặng Ngọc L có tìm hiểu nhau khoảng một năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A. Hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau này ông L thay đổi tính tình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, xúc phạm và đánh đập bà. Mâu thuẫn diễn ra khoảng gần 10 năm nay. Năm 2022, bà đã nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và được Tòa án thụ lý vụ án. Sau nhiều phiên hòa giải, bà tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi rút đơn ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn. Bà xác định không còn tình cảm với ông L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung đã thành niên gồm: Đặng Thanh T, sinh ngày 14/11/1999 và Đặng Thanh T1, sinh ngày: 23/6/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu yêu cầu chia đôi ngôi nhà xây dựng trên thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà Phan Thị C. Đồng thời bà xác định vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn L1 05 chỉ vàng 9999 và yêu cầu chia đôi số nợ. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Theo Biên bản ghi lời khai, bị đơn ông Đặng Ngọc L trình bày:

Trước khi cưới, ông và bà Nguyễn Thị Hồng N tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại UBND xã N. Hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn không còn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng 10 năm nay. Nguyên nhân do ông ăn nhậu, cờ bạc rồi vợ chồng kinh cãi nhau, có lần ông đánh vợ. Vào năm 2022, bà N có làm đơn ly hôn và đã được Tòa án thụ lý nhưng ông thuyết phục nên bà N rút đơn để vợ chồng quay về sống chung. Sống chung trong thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp diễn. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung đã thành niên gồm: Đặng Thanh T, sinh ngày 14/11/1999 và Đặng Thanh T1, sinh ngày: 23/6/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Đặng Ngọc L.

- Không giải quyết về con chung.

- Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

- Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đặng Ngọc L có địa chỉ cư trú tại số nhà D đường T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N1 và bị đơn ông Đặng Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà N1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

[4] Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Đặng Ngọc L mặc dù không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn nhưng theo Sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã N thì bà N và ông L đã đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2000. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L được xác lập từ ngày 05/9/2000.

[5] Bà N yêu cầu ly hôn với ông L nhưng ông L không đồng ý. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/11/2023, ông L thừa nhận bản thân ông ăn nhậu, cờ bạc rồi vợ chồng kinh cãi nhau, có lần ông đánh vợ. Năm 2022, bà N đã yêu cầu ly hôn với ông L nhưng sau đó tự nguyện rút đơn để quay về sống chung. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn nên bà tiếp tục yêu cầu ly hôn. Xét thấy, ông L không những có hành vi bạo lực gia đình mà còn ăn nhậu, cờ bạc, không có ý thức xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Ông L đã vi phạm những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều

2 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ông L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà N yêu cầu ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[6] Bà N và ông L có hai người con chung gồm: Đặng Thanh T, sinh ngày 14/11/1999 và Đặng Thanh T1, sinh ngày: 23/6/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[7] Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu yêu cầu chia đôi ngôi nhà xây dựng trên thửa đất thuộc quyền sử dụng của bà Phan Thị C. Đồng thời bà xác định vợ chồng còn nợ ông Nguyễn Văn L1 05 chỉ vàng 9999 và yêu cầu chia đôi số nợ. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bà xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Xét thấy việc bà N rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung là tự nguyện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[8] Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 208; khoản 2 Điều 208; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Đặng Ngọc L.

2. Không giải quyết về con chung.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì bà N rút yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001950 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Bà Nguyễn Thị Hồng N được hoàn trả lại 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Phòng KTNV & THA
TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã Nhơn An;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh